**Quy trình 40: Quy trình sản xuất cây cà phê vối**

# *(Coffea canephora)*

# Phần II. QUY TRÌNH SẢN XUẤT

**1. Thông tin chung**

1.1 Xuất xứ của quy trình

- Quyết định số 4226/QĐ-UBND ngày 27 tháng 11 năm 2017 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành Quy trình kỹ thuật và định mức kinh tế kỹ thuật cây trồng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

- Văn bản số 1483/TT-CCN ngày 28 tháng 10 năm 2024 của Cục trưởng Cục Trồng trọt về việc nội dung quy trình sản xuất cây công nghiệp, cây ăn quả lâu năm.

- Quyết định số 81/2024/QĐ-UBND ngày 17 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kon Tum về việc Ban hành quy trình sản xuất một số loại cây trồng, vật nuôi là thủy sản trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Quyết định số 46/2024/QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc Ban hành quy trình sản xuất một số loại cây trồng, vật nuôi là thủy sản trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

# 1.2. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Quy trình này bao gồm kỹ thuật trồng, chăm sóc, quản lý sinh vật gây hại, thu hoạch và định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng cho các tổ chức, cá nhân trồng cà phê tại Đồng Nai.

1.3. Mục tiêu kinh tế kỹ thuật

- Thời gian kiến thiết cơ bản: 3 năm

- Năng suất bình quân giai đoạn kinh doanh: 3 tấn/ha.

- Chu kì kinh doanh: 15 năm.

|  |  |
| --- | --- |
| **Năm thu hoạch** | **Năng suất** (kg/ha) |
| Năm thu hoạch 1 | 2.400 |
| Năm thu hoạch 2 | 2.400 |
| Năm thu hoạch 3 | 2.400 |
| Năm thu hoạch 4 | 2.400 |
| Năm thu hoạch 5 | 2.400 |
| Năm thu hoạch 6 | 3.000 |
| Năm thu hoạch 7 | 3.000 |

|  |  |
| --- | --- |
| Năm thu hoạch 8 | 3.000 |
| Năm thu hoạch 9 | 3.000 |
| Năm thu hoạch 10 | 3.000 |
| Năm thu hoạch 11 | 3.600 |
| Năm thu hoạch 12 | 3.600 |
| Năm thu hoạch 13 | 3.600 |
| Năm thu hoạch 14 | 3.600 |
| Năm thu hoạch 15 | 3.600 |

**2. Nội dung quy trình**

2.1 Yêu cầu về sinh thái

a) Ánh sáng: Thích hợp ánh sáng trực xạ yếu, do đó cần trồng cây che bóng để điều hòa ánh sáng cho vườn cây cà phê hợp lý, đặc biệt là giai đoạn kiến thiết cơ bản.

b) Nhiệt độ - ẩm độ: Nhiệt độ thích hợp từ 22 - 26oC, cà phê thích hợp điều kiện ẩm độ cao, gần như bão hòa.

c) Lượng mưa: Lượng mưa thích hợp hàng năm 1.800 - 2.000 mm, có một giai đọan khô ngắn vào cuối và sau vụ thu hoạch để phân hóa mầm hoa.

d) Đất đai

Cây cà phê có thể phát triển tốt trên nhiều loại đất khác nhau như đất nâu đỏ, nâu vàng hoặc đất xám… Tầng đất mặt sâu từ 70 cm trở lên, có thành phần cơ giới trung bình đến hơi nặng. Trong đó, đất đỏ bazan cho năng suất cao nhất.

3.2. Kỹ thuật trồng, chăm sóc

a) Chọn Giống

- Dòng TR5: Cây sinh trưởng khỏe, năng suất đạt 5,3 tấn/ha. Trọng lượng 100 hạt đạt 20,6 gram (giống cũ chỉ đạt 13 - 14 gr/100 hạt).

- Dòng TR6: Cây sinh trưởng khỏe, năng suất đạt 5,6 tấn/ha. Trọng lượng 100 hạt đạt 17,5 gram (giống cũ chỉ đạt 13 - 14 gr/100 hạt).

- Dòng TR4: Cây sinh trưởng khỏe, kháng rỉ sắt, phân nhiều cành, cành ngang hơi rũ, năng suất đạt 7,3 tấn/ha. Trọng lượng 100 hạt đạt 17,1 gr.

- Dòng TR9: Cây sinh trưởng khỏe, năng suất đạt 7,5 tấn/ha. Trọng lượng 100 hạt đạt 24,1gr.

- Dòng cà phê xanh lùn, Thiện Trường: Cây sinh trưởng khỏe, năng suất đạt 7,5 tấn/ha. Trọng lượng 100 hạt đạt 24gr.

b) Chuẩn bị đất

 Đất có độ dốc từ 0-150, thích hợp nhất là dưới 80, đất phải dễ thoát nước, tầng đất dày trên 70 cm, mực nước ngầm sâu hơn 100 cm, hàm lượng mùn của lớp đất mặt (0-20 cm) trên 2,5%. Các loại đất phong hóa từ Pooc- phia, đá vôi, sa phiến thạch, granit... nếu có đủ điều kiện nêu trên đều có thể trồng được cà phê, song đất bazan là loại đất thích hợp nhất.

c) Chuẩn bị hố trồng

Đào hố trước khi trồng 01 tháng, kích thước 60 cm x 60 cm x 60 cm. Lớp đất mặt để một phía, sau đó trộn với 18 kg phân chuồng hoai mục + 0,5 kg super lân + 1 kg vôi bột đưa xuống hố. Lớp đất dưới để một phía, sau dùng lấp quanh gốc.

d) Mật độ, khoảng cách trồng

Đất tốt, điều kiện thâm canh cao thì trồng thưa và ngược lại.

Khoảng cách: Đất tốt và bằng phẳng 3 m x 3 m (1.111 cây/ha) hoặc 4 m x 2 m

e) Kỹ thuật trồng

**- Thời vụ: t**rồng đầu mùa mưa, kết thúc trước khi bắt đầu mùa mùa khô 02 tháng.

- Chuẩn bị hố trồng: Ngay trước khi trồng, tiến hành đào giữa hố trồng với độ sâu 30 - 35 cm và rộng hơn bầu cây giống để điều chỉnh cây trồng thẳng hàng, dùng 05 - 07 g thuốc chống mối rắc xuống đáy và xung quanh thành hố.

- Dùng dao cắt một lát đất cách đáy túi bầu 1 - 2 cm để loại bỏ phần rễ cọc bị cong, xé bầu cẩn thận, tránh làm vỡ bầu đất, đặt bầu vào hố để cho mặt bầu thấp hơn mặt đất 10 - 15 cm (trồng âm), lấp đất và nén chặt quanh bầu.

- Tiến hành xăm xới đất sau những trận mưa lớn và trồng dặm kịp thời những cây bị chết. Việc trồng dặm xong trước khi kết thúc mùa mưa từ 1,5 - 02 tháng.

- Tạo bồn: Tiến hành trước khi mùa mưa chấm dứt từ 01 - 02 tháng. Trong năm đầu, kích thước bồn rộng 01 m và sâu 15 - 20 cm. Những năm sau, bồn được mở rộng theo tán cây cho đến khi bồn đạt được kích thước ổn định rộng 2,0 - 2,5 m, sâu 15 - 20 cm. Khi vét đất tạo bồn, cần hạn chế gây tổn thương rễ. Với đất dốc, làm bồn có thể tiến hành hàng năm.

- Tủ gốc, ép xanh: Cuối mùa mưa, tiến hành tủ gốc, ép xanh bằng vật liệu hữu cơ như rơm rạ, cây phân xanh, cây đậu đỗ,... vật liệu tủ phải cách gốc cà phê 10 - 15 cm. Hố ép xanh đào ở vị trí mép tán cà phê.

g) Chăm sóc

- Tạo hình trồng cà phê theo mô hình nuôi đa thân, bỏ ngọn: Ở Đồng Nai, các nhà vườn thường áp dụng phương pháp này giữ lại mỗi gốc 3 thân phân đều xung quanh. Phương pháp này có nhược điểm là chu kỳ kinh tế ngắn (05 - 07 năm). Để khắc phục nhược điểm trên, có thể phối hợp với biện pháp nuôi thêm thân (cành vượt), thay thế những thân chính có hiện tượng tán dù. Chọn chồi khỏe ở phần gốc, sau thu hoạch cần cưa bỏ thân đã có hiện tượng tán dù giúp cho chồi non phát triển.

- Bón phân

+ Phân hữu cơ: Cà phê là cây có nhu cầu dinh dưỡng cao. Phân hữu cơ rất quan trọng đối với cây cà phê, cần bón mỗi năm với lượng 10 - 15 kg phân chuồng hoai/cây hoặc có thể thay thế bằng 02 - 03 kg/cây phân hữu cơ sinh học, hữu cơ vi sinh.

+ Vô cơ: tùy loại phân hỗn hợp hay phân đơn, lượng phân cho 1 ha cà phê như sau:

Đợt thứ nhất: Bón vào đầu mùa mưa (tháng 3 đến tháng 5), dùng 35% lượng đạm, 30% lượng kali.

Đợt thứ hai: Bón vào giữa mùa mưa (tháng 7 đến tháng 8), dùng 40% lượng đạm, 40% lượng kali, 40% lượng lân.

Đợt thứ ba: Bón vào cuối mùa mưa (tháng 10 - 11), dùng 25% đạm, 60% lân, 30% kali.

+ Phương pháp bón: Cuốc hốc xung quanh tán lá sâu 5 - 10 cm, bón phân và lấp đất lại.

- Tưới nước

+ Phương pháp tưới truyền thống (tưới bồn): Sau khi tưới lần đầu tiến hành tưới theo chu kỳ 10 ngày/lần đối với đất đỏ bazan, 07 ngày/lần đối với đất nâu và đất đen có sỏi cơm. Lượng nước 200 - 250 lít/cây.

+ Phương pháp tưới nước tiết kiệm (hệ thống tưới tự động): Sau khi tưới lần đầu, tiến hành tưới theo chu kỳ 02 ngày/lần, lượng nước khoảng 20 - 25 lít/cây.

2.3. Quản lý sinh vật gây hại

Quản lý sinh vật gây hại dựa trên 6 nguyên tắc Quản lý sức khoẻ cây trồng tổng hợp (IPHM) gồm: đất khỏe; cây trồng khỏe; đầu tư thông minh; bảo vệ môi trường sinh thái; giám sát và kiểm tra đồng ruộng; nông dân chuyên nghiệp và có trách nhiệm.

*-* ***Một số sinh vật gây hại chính, biện pháp phòng chống***

*Sâu bệnh hại chính:* Mọt đục cành, sâu đục thân mình trắng, sâu đục thân hồng hoặc đỏ, mọt đục quả cà phê, rệp sáp, rệp muội, rệp vảy xanh, bệnh lở cổ rễ, bệnh đốm mắt cua, bệnh thán thư, bệnh rỉ sắt, bệnh nấm hồng, tuyến trùng.

*Biện pháp phòng chống:*

- Thường xuyên vệ sinh đồng ruộng và tiêu hủy tàn dư thực vật; có hệ thống mương rãnh cấp, thoát nước tốt; chủ động tưới tiêu; sử dụng phân hữu cơ hoai mục, bón phân cân đối; sử dụng giống kháng, giống chống chịu.

- Ngắt ổ trứng, bắt giết sâu non, lá bị sâu bệnh hại nặng đem tiêu hủy... khi mật độ sâu thấp.

- Sử dụng sản phẩm có nấm đối kháng *Trichoderma* ủ với phân hữu cơ hoai mục; sử dụng các chế phẩm sinh học; bẫy dính màu vàng, màu xanh để thu hút trưởng thành của sâu hại.

- Ưu tiên sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học, thảo mộc, có độ độc thấp, thời gian cách ly ngắn, chóng phân hủy và ít ảnh hưởng đến các loài thiên địch có ích trên vườn cây, trong danh mục thuốc bảo vệ thực vật của Việt Nam.

2.4. Thu hoạch

- Quả cà phê được thu hoạch bằng tay và thực hiện làm nhiều đợt (ít nhất 02 đợt) trong một vụ để thu hái kịp thời những quả chín trên cây. Không thu hái quả xanh non, không được tuốt cả cành, không làm gãy cành. Phải ngừng thu hái trước và sau khi nở hoa 03 ngày.

- Sản phẩm thu hoạch có tỷ lệ quả chín đạt từ 95% trở lên (gồm cả quả chín vàng và chín đỏ) và tỷ lệ tạp chất không quá 0,5%. Đợt tận thu cuối vụ, tỷ lệ quả chín đạt trên 80%.

**Phần** **II: ĐỊNH MỨC VẬT TƯ NÔNG NGHIỆP, CÔNG LAO ĐỘNG**

Quy mô 1 ha, khoảng cách 3 m x 3 m (1.111 cây/ha).

**1. Định mức về vật tư nông nghiệp**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **ĐVT** | **Số lượng** | | | |
| **Năm 1** | **Năm 2** | **Năm 3** | **Năm 4 trở đi** |
| **I** | **Giống** | Cây | 1.111 |  |  |  |
|  | Trồng dặm | Cây | 111 |  |  |  |
| **II** | **Vật tư nông nghiệp** |  |  |  |  |  |
| 1 | Urê | Kg | - | 150 | 200 | 250 |
| 2 | Phân SA | Kg | - | 0 | 100 | 150 |
| 3 | Lân nung chảy | Kg | 665 | 550 | 550 | 550 |
| 4 | Kali (KCl) | Kg | - | 70 | 150 | 200 |
| 5 | Vôi | Kg | 665 | 665 | 665 | 665 |
| 6 | Phân hữu cơ hoai mục | Kg | 22.000 | 0 | 22.000 | 22.000 |
| 7 | Hoặc phân hữu cơ vi sinh | Kg | 4.400 | 0 | 4.400 | 4.400 |
| 8 | Chế phẩm sinh học | Kg | 44 | 0 | 44 | 44 |
| 9 | Thuốc BVTV | Kg (lít) | 20 | 10 | 15 | 18 |

**2. Định mức công lao động**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **ĐVT** | **Số lượng** | | | |
| **Năm 1** | **Năm 2** | **Năm 3** | **Năm 4 trở đi** |
| 1 | Chuẩn bị đất trồng (đào mương, xử lý thực bì) | Công | 50 | 0 | 0 | 0 |
| 2 | Đào hố trồng và bón lót | Công | 20 | 0 | 0 | 0 |
| 3 | Trồng cây | Công | 5 | 0 | 0 | 0 |
| 4 | Làm cỏ, tỉa cành | Công | 20 | 20 | 20 | 20 |
| 5 | Bón phân (thúc) | Công | 20 | 20 | 20 | 20 |
| 6 | Phun thuốc | Công | 15 | 25 | 25 | 25 |
|  | **TỔNG CỘNG** |  | **130** | **65** | **65** | **65** |